

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HSST

Ngày: 27/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần;

Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 17/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/HSST – QĐ ngày 15/12/2017 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Đ, sinh năm 1981; nơi sinh: Xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm C, xã P, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Thọ L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; có chồng là anh Phan Tuấn H, sinh năm 1973, có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 11/10/2017 đến nay; có mặt.

*** Người bị hại:** Bà Đặng Thị M, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm B, xã P, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Chị Vũ Thị A, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 28/9/2017, Hoàng Thị Đ quan sát thấy nhà bà Đặng Thị M ở bên cạnh đi vắng, Đ trèo qua tường rào sang nhà bà M mục đích trộm cắp tài sản. Khi sang thấy cửa chính không khóa, Đ mở cửa đi qua gian phòng khách đến phòng ngủ phát hiện có 01 két sắt màu xanh xám. Đ dùng tay kéo thấy cửa két không khóa, bên trong có 2 ngăn, ngăn trên khóa, ngăn dưới không có tài sản gì. Đ về nhà lấy búa đinh quay lại dùng búa đập nhiều nhất làm nắp khóa cong thụt vào bên trong rồi dùng tay lấy 01 hộp kim loại màu xanh lam bên trong có 02 hộp nhựa hình tròn màu đỏ. Đ mở nắp hai hộp, bên trong có 01 dây chuyền vàng trọng lượng 04 chỉ; 01 đôi bông tai vàng có gắn đá trang trí màu trắng trọng lượng 02 chỉ; 01 bông tai vàng tây trọng lượng 0,1 chỉ; 01 nhẫn tròn vàng trọng lượng 01 chỉ được dính trên tờ giấy đảm bảo của hiệu vàng Sen Nhượng. Đ lấy tất cả số vàng trên cầm ở tay trái rồi cất hộp kim loại và 02 hộp nhựa vào trong két, khép cửa két lại rồi cầm búa theo lối cũ về nhà, cất số vàng trộm cắp vào cặp sách đi dạy. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, Đ thuê xe ôm của người không rõ tên tuổi địa chỉ mang theo số vàng trộm cắp được đến hiệu vàng Đoàn Anh ở xã G, huyện G đổi 01 dây chuyền vàng 24K trọng lượng 04 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 24K trọng lượng 02 chỉ lấy 3.1 chỉ vàng; gồm 03 nhẫn tròn, mỗi nhẫn 01 chỉ, trên nhẫn có giấy bảo đảm của hiệu vàng Đoàn Anh và 0,1 phân vàng hình vuông, Đ nhờ chủ cửa hiệu gắn lên chiếc nhẫn tròn mà Đ lấy trộm có giấy bảo đảm của cửa hàng Sen Nhượng để thành 1.1 chỉ vàng; số vàng còn lại 2.9 chỉ vàng và 01 bông tai vàng tây có trọng lượng 0.1 chỉ, Đ bán được 9.970.000 đồng. Sau khi bán và trao đổi xong, Đ mang số vàng vừa đổi về trả cho chị Bùi Thị N 03 chỉ vàng và trả chị Nguyễn Thị N 1.1 chỉ vàng, số tiền bán vàng Đ chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, khám xét khẩn cấp; Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 hộp kim loại màu xanh lam kích thước (11x7x4,5)cm, 02 hộp nhựa màu đỏ đường kính 05 cm, 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim, 01 búa đinh bằng kim loại dài 36 cm, cán búa bằng gỗ hình tròn đường kính 04 cm.

Tại kết luận định giá tài sản số 24/KL - HĐĐG ngày 09/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận:

01 dây chuyền vàng 24 K, trọng lượng 04 chỉ trị giá: 14.080.000 đồng;

01 đôi bông tai vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ trị giá: 7.040.000 đồng;

01 nhẫn tròn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ trị giá: 3.520.000 đồng;

01 bông tai vàng tây, trọng lượng 0,1 chỉ trị giá 200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 24.840.000 đồng.

Quá trình điều tra Hoàng Thị Đ đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số vàng trộm cắp cho bà Đặng Thị M. Bà M không có đề nghị gì thêm về bồi thường dân

sự và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Hoàng Thị Đ.

Tại bản cáo trạng số 58/QĐ - KSĐT ngày 17/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố Hoàng Thị Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định.

Bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu và không tự bào chữa, tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được chấp hành án tại địa phương nơi cư trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố bị can, xét xử bị cáo. Các hành vi của người tiến hành tố tụng, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng trên; Vì vậy các hoạt động tố tụng được xác định là hợp pháp.

Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán xác định chị Bùi Thị N, chị Nguyễn Thị N, chị Vũ Thị A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Song quyền lợi, nghĩa vụ của những người này không còn liên quan tới vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử xác định những người này là người làm chứng trong vụ án.

[2] Hành vi của bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như lời khai của người bị hại, người làm chứng; kết hợp với Kết luận định giá tài sản bị trộm cắp; từ đó có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/9/2017 bị cáo Hoàng Thị Đ đã lén lút đột nhập vào nhà bà Đặng Thị M ở xóm C, xã P, huyện X, tỉnh Nam Định chiếm đoạt 01 dây chuyền vàng 24 K trọng lượng 04 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 24K trọng lượng 02 chỉ; 01 nhẫn tròn vàng 24K trọng lượng 01 chỉ; 01 bông tai vàng tây trọng lượng 0,1 chỉ. Tổng trị giá là 24.840.000 đồng. Hành vi của Hoàng Thị Đ đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng của VKSND huyện Xuân Trường truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý bất an cho nhân dân tại địa phương. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, bản thân là một giáo viên đứng trên bục giảng, song bị cáo lại có hành vi trộm cắp tài sản, nên cần phải xử lý nghiêm.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số vàng đã trộm cắp; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, hối lỗi về việc làm của mình; người bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14. Tuy nhiên xét hành vi đột nhập, phá kết của bị cáo để trộm cắp tài sản giá trị lớn không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không thể miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo như đề nghị của người bị hại, mà chỉ có thể coi đơn đề nghị của người bị hại là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; cũng bởi lý do này mà đề nghị của Kiểm sát viên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” không được chấp nhận; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, qua xác minh tại địa phương cho thấy chồng bị cáo là bộ đội, vợ chồng có 03 con nhỏ, địa phương và nhà trường đề nghị cho Hoàng Thị Đ mức án thấp nhất để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ khi chồng đóng quân xa nhà và để bị cáo có cơ hội tiếp tục công tác, cống hiến, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng và có ý thức sửa chữa lỗi lầm nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tại phiên tòa là phù hợp.

Xét bị cáo làm nghề giáo viên nhưng thu nhập thấp, chồng đóng quân ở xa, lại có các con nhỏ đang phải nuôi dưỡng, kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Tuy bị cáo làm nghề giáo viên nhưng thu nhập thấp, lại có các con nhỏ đang phải nuôi dưỡng, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số vàng trộm cắp cho bà M. Bà M không đề nghị gì thêm về bồi thường dân sự nên không xem xét điều chỉnh.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 hộp kim loại màu xanh lam kích thước (11x7x4,5)cm, 02 hộp nhựa màu đỏ đường kính 05 cm, 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim thu giữ tại nhà bà M, bà M xác định không còn giá trị và 01 búa đinh thu giữ của bị cáo là công cụ phạm tội nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với chị Vũ Thị A là chủ hiệu vàng Đoàn Anh, quá trình giao dịch không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có, sau đó cửa hàng đã gia công chế tác thành trang sức; Công an huyện Xuân Trường đã nhắc nhở rút kinh nghiệm là phù hợp. Còn chị N, chị N cũng đã bán vàng cho cửa hàng vàng ở thành phố Nam Định và Hà nội, Cơ quan Điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không thu hồi được vật chứng.

[8] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Tuyên phạt bị cáo Hoàng Thị Đ 21 tháng cải tạo không giam giữ; Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003:

Tịch thu cho tiêu hủy 01 hộp kim loại màu xanh lam, kích thước (11x7x4,5)cm, 02 hộp nhựa màu đỏ đường kính 05 cm, 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim, 01 búa đinh bằng kim loại dài 36 cm, cán búa bằng gỗ hình tròn đường kính 04 cm.

Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 08/CCTHA ngày 28/11/2017 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Thị Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- Công an Huyện: 02 bản;
- UBND xã P: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Người bị hại: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thi